

- Ngày 11/4/1991 Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, tổng hợp với hình phạt 08 tháng tù của Bản án số 13/HS-ST ngày 24/02/1990, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 26 tháng tù tại Bản án số 88/HS-ST. Tháng 02/1992, bị cáo bỏ trốn khỏi nơi giam;

- Ngày 20/9/1994, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, 03 năm tù về tội “Tàng trữ vũ khí quân dụng” và 01 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”; Tổng hợp hình phạt của 03 tội với hình phạt chưa chấp hành xong của Bản án số 88/HS-ST ngày 11/4/1991. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 12 năm 03 tháng tù tại Bản án số 1060/HS-ST;

- Ngày 07/8/2006 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 1067/2006/HS-ST;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2025. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lý T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: A N, Phường D, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Công ty TNHH M; Trụ sở: Tầng E khối E, tòa nhà C, số B C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Nguyệt K, sinh năm 1982; Địa chỉ: 2 Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 15 ngày 10/01/2020, Nguyễn Văn S gọi điện thoại rủ Dương Ngọc B đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. B đồng ý. S điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vario màu đỏ, biển số 59T1-286.29 chở B đi qua nhiều tuyến đường trên địa bàn Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, tìm người có tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Khoảng 09 giờ 30 cùng ngày, khi đến trước số G - G N, Phường B, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh, S và B phát hiện ông Lý T đang đứng trước địa chỉ trên, cầm 01 cái bóp (ví) màu xanh đen. S quay lại nói với B “giật luôn em”. S điều khiển xe quay ngược lại, chạy ngược chiều áp sát phía trước mặt ông T. B ngồi sau dùng tay trái giật cái bóp của ông T. Khi B vừa đưa tay trái chạm trúng vào bóp của ông T thì ông T phát hiện và giật lại được. Thấy vậy, S liền điều khiển xe mô tô tăng ga chở B tẩu thoát về hướng đường V.

Cùng lúc này, Tổ trình sát hình sự đặc nhiệm của Phòng C Công an Thành phố H, đang trên đường tuần tra phát hiện, truy đuổi liên tục theo S, B. Quá trình truy đuổi qua nhiều tuyến đường, B ngồi sau đã dùng bình xịt hơi cay, xịt về phía các Trinh sát đặc nhiệm để cản trở sự truy đuổi. Khi đến trước số A Đ V, Phường C, Quận F (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh, do không làm chủ được

tốc độ, S đã để xe mô tô tự động vào dải phân cách làm cả hai ngã xuống đường dẫn đến thương tích. Sau đó, Tổ trình sát hình sự đặc nhiệm đã đưa S và B đến Bệnh viện C1 để cấp cứu, đồng thời giao vật chứng, tài sản có liên quan cho Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh lập hồ sơ xử lý.

Ông Lý T khai, mua chiếc bóp vào tháng 5/2019 với giá 150.000 đồng, bên trong bóp chỉ có thẻ ATM. B ngồi sau dùng tay trái giật chiếc bóp nhưng ông T giữ lại được. Ông T không yêu cầu bồi thường gì.

Khi vào Bệnh viện, theo chuẩn đoán ban đầu của Bác sĩ Bệnh viện C1 thì Nguyễn Văn S bị dập não; gãy xương chân, vai nên phải tiến hành phẫu thuật điều trị. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 (cũ) cho gia đình S bảo lãnh để điều trị thương tích.

Đến ngày 28/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 (cũ) ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Văn S. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 (cũ) đã tiến hành xác minh thi hành Lệnh bắt tạm giam đối với S, nhưng bị can S không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Ngày 03/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 (cũ) ra Quyết định truy nã số 03 đối với Nguyễn Văn S.

Ngày 16/9/2020, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử Dương Ngọc B về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 73/2020/HSST (xử phạt 03 năm 06 tháng tù).

Ngày 01/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phối hợp Công an phường P, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện, bắt giữ được Nguyễn Văn S. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, S thừa nhận hành vi phạm tội như trên và khai nhận: Trong thời gian điều trị tại nơi ở, S sợ bị xử lý hình sự nên bỏ đi khỏi địa phương, đón xe khách về Bình Thuận ở nhà người bạn quen biết ngoài xã hội, sau đó bỏ đi sống lang thang nhiều nơi, làm nhiều nghề tự do để kiếm sống. S không sử dụng thông tin cá nhân trong thời gian bỏ trốn và không liên hệ với ai trong gia đình vì sợ bị phát hiện.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lý T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Vật chứng vụ án:

- 01 túi đeo chéo màu đen có ghi chữ Jeep, 01 thanh kim loại chữ L, 04 thanh kim loại đầu đẹp.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vario màu đen đỏ, biển số 59T1-286.29, số khung MH1KF4116KK547491, số máy: KF41E-1547864, là phương tiện phạm tội. Qua xác minh, biển số 59T1-286.29 là của xe H2 hiệu Vision do chị Nguyễn Thị Kim H1 (sinh năm 1979, thường trú: D T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh). Chị H1 trình bày đang sở hữu và sử dụng xe gắn máy hiệu H3 có biển số 59T1-286.29, không bị mất hay cho tặng ai biển số này, chị không quen biết với Nguyễn Văn S. Xác minh xe mô tô hiệu Honda Vario màu đen đỏ có số

khung số máy như trên có biển số 59L2-946.89 do Nguyễn Văn S đứng tên chủ sở hữu. Giám định xe có số khung, số máy không đổi. S khai mua trả góp tại Công ty T1 (nay là Công ty T2) theo Giấy đề nghị vay vốn/đề nghị phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và cấp tín dụng qua thẻ (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) và Hợp đồng thế chấp tài sản số 20190823-895772 ngày 24/8/2019; số tiền vay là 41.500.000 đồng, tài sản bảo đảm cho khoản vay là chiếc xe gắn máy trên. Ngày 10/01/2020, S đã tháo biển số thật của xe rồi gắn biển số 59T1-286.29 mà S nhặt được trước đó (không nhớ thời gian và địa điểm nhặt được) rồi chở B đi cướp giật như trên.

Đại diện Công ty TNHH M (Galaxy DT) trình bày: Ngày 31/3/2023, Công ty T2 đã chuyển giao quyền và nghĩa vụ từ Hợp tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên cho Galaxy DT theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBSMBCFC-GALAXY-23-0001 với khoản nợ/quyền tài sản được chuyển giao tại thời điểm mua bán nợ là 37.366.122 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng, Galaxy DT đã nhiều lần liên hệ ông S để hướng dẫn giải quyết hợp đồng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay nhưng không liên hệ được. Tạm tính đến ngày 19/3/2026, dư nợ của ông S là 73.561.182 đồng. Khi cơ quan điều tra mời làm việc, Galaxy DT mới được biết chiếc xe mô tô trên đang là vật chứng trong vụ án hình sự. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Galaxy DT, Galaxy DT đề nghị cơ quan có thẩm quyền giao chiếc xe mô tô trên cho Galaxy DT để xử lý và thu hồi khoản vay theo đúng quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 164/CT-VKS-KV4 ngày 12 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, đ, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15, Điều 57 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo mức án từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Công ty TNHH M có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày đề nghị được nhận lại 01 xe mô tô hiệu Honda Vario màu đen đỏ, biển số 59L2-946.89 để thu hồi nợ vay theo quy định.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt. Đối với vật chứng là chiếc xe mô tô thu giữ của bị cáo thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Nguyễn Văn S đã có hành vi điều khiển xe gắn máy chở Dương Ngọc B rồi áp sát bị hại ông Lý T để B ngồi sau dùng tay giật chiếc bóp ông T đang cầm trên tay, tuy nhiên B vừa chạm vào chiếc bóp thì ông T giữ lại được và tri hô, trên đường tẩu thoát, B ngồi sau đã dùng bình xịt hơi cay để chống trả lại sự truy đuổi của tổ trình sát đặc nhiệm Công an Thành phố H; hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, “Hành hung để tẩu thoát”; bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Tái phạm nguy hiểm”, là những tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d, đ, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do B vừa chạm tay vào chiếc bóp thì bị hại đã giữ lại được nên hành vi của bị cáo S được xác định là “Phạm tội chưa đạt” quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, là tình tiết để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi cướp giật tài sản của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị nhưng do tư lợi cá nhân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Xét nhân thân bị cáo là xấu, bị cáo đã nhiều lần bị kết án nhưng không lấy làm bài học cho bản thân mà lại cố tình phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù của thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lý T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[5] Về vật chứng vụ án:

- 01 túi đeo chéo màu đen có ghi chữ Jeep, 01 thanh kim loại chữ L, 04 thanh kim loại đầu đẹp là những vật không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vario màu đen đỏ, biển số 59T1-286.29, số khung MH1KF4116KK547491, số máy: KF41E-1547864 thu giữ của bị cáo. Xét thấy, bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; đối với biển số 59T1-286.29 là vật không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

Dành quyền khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ vay đối với khoản vay của bị cáo tại Giấy đề nghị vay vốn/đề nghị phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và cấp tín dụng qua thẻ (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) và Hợp đồng thế chấp tài sản số 20190823-895772 ngày 24/8/2019 giữa bị cáo và Công ty T2 cho Công ty TNHH M trong vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d, đ, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 57 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Nguyễn Văn S 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (phạm tội chưa đạt).

Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ Điều 30; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 túi đeo chéo màu đen có ghi chữ Jeep, 01 thanh kim loại chữ L, 04 thanh kim loại đầu dẹp và 01 biển số 59T1-286.29.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda Vario màu đen đỏ, số khung: MH1KF4116KK547491, số máy: KF41E-1547864.

Công ty TNHH M được quyền khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ vay đối với khoản vay của bị cáo tại Giấy đề nghị vay vốn/đề nghị phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và cấp tín dụng qua thẻ (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) và Hợp đồng thế chấp tài sản số 20190823-895772 ngày 24/8/2019 giữa bị cáo và Công ty T2 trong vụ án dân sự khác.

(Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng ngày **15/9/2020** giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Cơ quan CSĐT CATP.HCM (PC02);
- VKSND KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV4-Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNV CA TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hiếu Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA